

Số: 449/2022/QĐST-HNGĐ

Đông Anh, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 422/2022/TLST- HNGĐ ngày 04/7/2022, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Phương A**, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Tổ X3, thị trấn Y3, huyện Z3, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: Thôn X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ X2, thị trấn Y2, huyện Z2, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/7/2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/7/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Văn B.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 86, quyển số 01, đăng ký ngày 18/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Văn B không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị A, anh B có 02 con chung là cháu Bùi Hà C, sinh ngày 31/7/2015 và cháu Bùi Anh D, sinh ngày 03/6/2017.

Ly hôn, chị A trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị A, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, chị A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **46637** ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Thẩm phán**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký)**

**Nguyễn Lâm Bình**

